

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đo

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025(dự toán trước khi sát nhập)		Dự toán năm 2025		So sánh
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN
		1	2	3	4	5=3/1
	Tổng thu ngân sách nhà nước	43,013,182,357	43,013,182,357	53,086,000,000	53,086,000,000	123.4
A	Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn xã			2,420,000,000	2,420,000,000	
I	Thu nội địa	158,000,000	158,000,000	658,000,000	658,000,000	416.5
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	158,000,000	158,000,000	658,000,000	658,000,000	416.5
+	Thuế Giá trị gia tăng	157,000,000	157,000,000	557,000,000	557,000,000	354.8
+	Thuế tài nguyên	1,000,000	1,000,000	101,000,000	101,000,000	10,100.0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	305,000,000	305,000,000	1,762,000,000	1,762,000,000	577.7
1	Phí , lệ phí	30,000,000	30,000,000	190,000,000	190,000,000	633.3
-	<i>Phí và lệ phí trung ương</i>	<i>2,000,000</i>	<i>2,000,000</i>	<i>100,000,000</i>	<i>100,000,000</i>	<i>5,000.0</i>
	<i>Phí và lệ phí địa phương</i>	<i>28,000,000</i>	<i>28,000,000</i>	<i>90,000,000</i>	<i>90,000,000</i>	<i>321.4</i>
2	Lệ phí trước bạ	20,000,000	20,000,000	665,000,000	665,000,000	3,325.0
+	<i>Lệ phí trước bạ nhà đất</i>	<i>20,000,000</i>	<i>20,000,000</i>	<i>20,000,000</i>	<i>20,000,000</i>	<i>100.0</i>
+	<i>Lệ phí trước bạ phương tiện</i>			<i>645,000,000</i>	<i>645,000,000</i>	
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp					
4	Thuế TNCN	159,000,000	159,000,000	159,000,000	159,000,000	100
	<i>Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS</i>	<i>68,000,000</i>	<i>68,000,000</i>	<i>68,000,000</i>	<i>68,000,000</i>	<i>100</i>
	<i>Thuế TNCN kinh doanh</i>	<i>91,000,000</i>	<i>91,000,000</i>	<i>91,000,000</i>	<i>91,000,000</i>	<i>100.0</i>
5	Thu tiền sử dụng đất	-	-	100,000,000	100,000,000	
6	Thu khác ngân sách	96,000,000	96,000,000	648,000,000	648,000,000	675.0
	<i>Thu khác từ trung ương</i>			<i>160,000,000</i>	<i>160,000,000</i>	
	<i>Thu khác từ địa phương</i>	<i>96,000,000</i>	<i>96,000,000</i>	<i>488,000,000</i>	<i>488,000,000</i>	<i>508.3</i>
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025(dự toán trước khi sát nhập)		Dự toán năm 2025		So sán
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN
		1	2	3	4	5=3/1
IV	Thu chuyển nguồn	11,165,744,303	11,165,744,303			
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	369,400,770	369,400,770			
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	31,384,438,054	31,384,438,054	50,666,000,000	50,666,000,000	161.4
	- Bổ sung cân đối ngân sách	19,051,300,000	19,051,300,000	50,527,949,000	50,527,949,000	265.2
	- Bổ sung có mục tiêu	12,333,138,054	12,333,138,054	138,051,000	138,051,000	1.1

m vị: đồng

h (%)
Thu NSX
6=4/2
123.4
416.5
416.5
354.8
10,100.0
577.7
633.3
5,000.0
321.4
3,325.0
100.0
100
100
100.0
675.0
508.3

h (%)
Thu NSX
6=4/2
161.4
265.2
1.1